

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 02 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2022/QĐXXST-DS ngày 30/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2022/QĐST-DS ngày 21/12/2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 09/01/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X; Địa chỉ: Số 1x Trần Quang Khải, phường L, Quận H, Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh Hoàng – Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh K; ông Hoàng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 20, Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố K, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 057, tổ 2, ấp T, xã V, huyện S, tỉnh An Giang; bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng X có ông Huỳnh Thanh Hoàng đại diện trình bày:

1. Căn cứ Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 38/KHTN-CBVCB/2018 ngày 06/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 20/6/2022 số tiền 445.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng; thời hạn vay 60 tháng (06/7/2018 – 06/7/2023), kỳ hạn trả vốn + lãi: hàng tháng; lãi suất vay 11,50%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Dư nợ tạm tính đến 08/02/2023 là gốc 103.400.000 đồng và lãi 7.139.768 đồng.

2. Căn cứ Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30 ngày 19/3/2020 ông T có vay cụ thể:

+ Theo giấy nhận nợ số 01 ngày 24/3/2020, ông T vay số tiền 160.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng; thời hạn vay 60 tháng (24/3/2020 – 24/3/2025), kỳ hạn trả vốn + lãi: hàng tháng; lãi suất vay 11,50%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Dư nợ tạm tính đến 08/02/2023 là gốc 89.800.000 đồng và lãi 6.200.688 đồng.

+ Theo giấy nhận nợ số 02 ngày 12/3/2021, ông T vay số tiền 67.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng; thời hạn vay 60 tháng (12/3/2021 – 12/3/2026), kỳ hạn trả vốn + lãi: hàng tháng; lãi suất vay trong hạn kể từ ngày 20/7/2022 là 11,50%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Dư nợ tạm tính đến 08/02/2023 là gốc 51.000.000 đồng và lãi 3.521.549 đồng.

- Thẻ tín dụng JCB và thẻ tín dụng VISA PLATINUM tạm tính đến ngày 08/02/2023 là 204.895.590 đồng; mục đích thẻ tín dụng là tiêu dùng; thời hạn sử dụng thẻ tín dụng là 60 tháng kể từ ngày phát hành thẻ.

Khi vay thì ông T không thể chấp gì cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh K yêu cầu: Ông Lê Quốc T trả tổng số nợ là 465.957.596 đồng, trong đó: vốn 430.518.287 đồng, lãi 35.439.309 đồng. Đồng thời phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi xét xử và trả nợ xong.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Quốc T không tham gia tố tụng tại Tòa án; Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý cho mẹ ruột ông T là bà Nhan Thị Minh Thu và cam kết giao lại cho ông T và tiến hành niêm yết theo quy định.

Theo biên bản xác minh tại Ban ấp T, xã V, huyện S cho biết ông Lê Quốc T, sinh năm 1984, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Trung 1, xã V,

huyện S; ông T không thường xuyên sinh sống tại địa phương mà đi làm Ngân hàng (không rõ Ngân hàng nào) ở K.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia xét xử. Thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bị đơn ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ gốc, lãi phát sinh đến ngày xét xử, theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị đơn ông T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý, triệu tập hợp lệ hòa giải nhưng ông T không tham gia, cố tình né tránh, không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông T không đến, không ý kiến thể hiện ông đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 70, Điều 91 BLTTDS, nên ông phải chịu trách nhiệm về yêu cầu cũng như chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp.

Từ những cơ sở phân tích trên. Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lê Quốc T có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh An Giang; Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh K; Hợp đồng được các bên thỏa thuận nơi giải quyết tranh chấp là “*Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh K có trụ sở tại thời điểm khởi kiện*” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản:

Xét Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 38 ngày 06/7/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 20/6/2022; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30 ngày 19/3/2020 gồm giấy nhận nợ số 01 ngày 24/3/2020 và giấy nhận nợ số 02 ngày 12/3/2021; Thẻ tín dụng JCB ký ngày 26/6/2014; Thẻ tín dụng VISA PLATINUM ký ngày 26/7/2018 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay:

Căn cứ Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 38 ngày 06/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 20/6/2022 số tiền 445.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng; thời hạn vay 60 tháng (06/7/2018 – 06/7/2023), kỳ hạn trả vốn + lãi: hàng tháng; lãi suất vay 11,50%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30 ngày 19/3/2020 ông T có vay theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 24/3/2020, số tiền 160.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng; thời hạn vay 60 tháng (24/3/2020 – 24/3/2025), kỳ hạn trả vốn + lãi: hàng tháng; lãi suất vay 11,50%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Giấy nhận nợ số 02 ngày 12/3/2021, số tiền 67.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt hợp pháp của khách hàng và gia đình khách hàng; thời hạn vay 60 tháng (12/3/2021 – 12/3/2026), kỳ hạn trả vốn + lãi: hàng tháng; lãi suất vay trong hạn kể từ ngày 20/7/2022 là 11,50%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần theo Thông báo lãi

suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thẻ tín dụng JCB ký ngày 26/6/2014; Thẻ tín dụng VISA PLATINUM ký ngày 26/7/2018.

Thực hiện hợp đồng ông T đã nhận đủ số tiền; quá trình thực hiện thì ông T đã vi phạm. Do ông T không trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ 465.957.596 đồng, trong đó: vốn 430.518.287 đồng, lãi 35.439.309 đồng. Đồng thời phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sau ngày 08/02/2023 cho đến khi xét xử và trả nợ xong là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/02/2023, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.290.000 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.638.304 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc ông Lê Quốc T trả cho Ngân hàng X số tiền 465.957.596 đồng, trong đó: Vốn 430.518.287 đồng, lãi 35.439.309 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/02/2023, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng X số tiền 10.290.000 (mười triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002766 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu.

Ông Lê Quốc T phải chịu 22.638.304 (hai mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trần Thị Phương